

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Trường và Bà Mai Thị Hằng

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1959 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Quản lý nhà nghỉ; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1932; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2019 cho đến nay “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Chị Trần Thị Tuyết P (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

*Người làm chứng:*

Anh Lê Hoàng H, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn 02, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Chị Lê Thị D, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2018 Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1959 vào làm quản lý nhà nghỉ Thiên An B cho anh Trịnh Văn D tại ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/10/2019 L đang làm việc tại nhà nghỉ Thiên An B thì có Nguyễn Văn H và Lê Hoàng H đến thuê 02 phòng nên L đưa H vào phòng số 05 còn H vào phòng 06 để nghỉ. Sau đó H, H hỏi L có gái để chơi hay không (mua dâm) thì gọi cho 02 người thì L hiểu H, H cần gái bán dâm nên đồng ý. Lúc này L sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 2730C có số thuê bao: 0967.742.046 gọi cho Trần Thị Tuyết P và Nguyễn Thị Mỹ H đến nhà nghỉ Thiên An B để bán dâm cho H và H. Khoảng 15 phút sau thì P, H đến nhà nghỉ Thiên An B, khi này L nói H vào phòng số 05, P vào phòng số 06 của nhà nghỉ Thiên An B để bán dâm cho H và H với giá 500.000 đồng/01 người. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an tỉnh Bình Phước kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang tại phòng số 05: H, H; Phòng 06: H, P đang thực hiện hành vi mua bán dâm.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh - đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730C màu đen - bạc và số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730C màu đen bạc. Trả lại cho ông Trịnh Văn D số tiền 500.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng

Bị cáo L tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc anh Trịnh Văn D giao quản lý nhà nghỉ Thiên An B tại ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên sau khi cho anh Nguyễn Văn H và anh Lê Hoàng H thuê phòng, biết được anh H và anh H có nhu cầu mua dâm nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/10/2019 Nguyễn Thị Thùy L đã liên hệ với chị Trần Thị Tuyết P và chị Nguyễn Thị Mỹ H đến nhà nghỉ để bán dâm cho anh H và anh H thì bị Công an tỉnh Bình Phước kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội chứa mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cho khách thuê phòng để làm địa điểm mua dâm và liên hệ người bán dâm đến bán dâm là hành vi vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm nH vì mong muốn có đông khách đến thuê phòng mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa tại địa phương nơi có tội phạm xảy ra và là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội cần được loại trừ. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không nhằm mục đích hưởng lợi cá nhân. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi mua dâm của anh Nguyễn Văn H, anh Lê Hoàng H và hành vi bán dâm của chị Trần Thị Tuyết P, chị Nguyễn Thị Mỹ H, Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ được từ hành vi mua bán dâm cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền thuê phòng và tiền cá nhân của ông Trịnh Văn D giao cho bị cáo L thanh toán, xét thấy đây là tài sản thuộc sở hữu cá nhân của ông D do đó cần tuyên trả lại cho ông D.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu ITEL màu đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2730C màu đen bạc và 02 bao cao su đã qua sử dụng, xét thấy đây là phương tiện được bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dùng để liên hệ và sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên xét thấy số tài sản này đã cũ, hư hỏng, không lên nguồn, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/10/2019.

### **3. Về vật chứng của vụ án:**

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng;

Trả lại cho ông Trịnh Văn D số tiền 500.000 đồng;

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 2730C màu đen bạc (tất cả điện thoại đều đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001784, quyền số 0036, ký hiệu D47/2017 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

#### **4. Về án phí:**

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**đã ký**

**Lê Văn An**

